TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 22-8-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt;
- *Bị đơn*: Anh Đặng Hữu L, sinh năm 1979 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B P, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2005, không có tổ chức lễ cưới, chỉ tổ chức lễ tuyên bố và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ anh L tại ấp B, xã A T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2017 thì chuyển về ấp B P, xã B T (nay là xã P B), thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xây nhà sống đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ghen tuông vô cớ nên thường

đánh chị. Anh L bỏ ra sống riêng từ tháng 10-2021 và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh L không ai đặt vấn đề đoàn tụ, anh L chỉ về thăm con mỗi tháng một lần.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 14-12-2007 và Đặng Công V, sinh ngày 17-8-2010, hai con hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh L đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh L không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn anh Đặng Hữu L.

Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 14-12-2007 và Đặng Công V, sinh ngày 17-8-2010 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đặng Hữu L vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được

Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh L ghen tuông vô cớ nên thường đánh chị. Qua xác minh tại địa phương không thể hiện được giữa chị T và anh L mâu thuẫn nhau về vấn đề gì nhưng anh L và chị T thường gây gỗ, đánh nhau. Chị T và anh L đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh L đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng anh L không đến, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là cháu Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 14-12-2007 và Đặng Công V, sinh ngày 17-8-2010, hiện hai cháu đang sống chung với chị T. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh L ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hiện hai cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hỏi ý kiến cháu N và cháu V, cả hai cháu đều có nguyện vọng được theo sống với chị T. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu V là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Đặng Hữu L. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Hữu L.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Thị Quỳnh N, sinh ngày 14-12-2007 và Đặng Công V, sinh ngày 17-8-2010 cho chị Trần Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026303 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã A T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc